MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI 8 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 582/BC-UBND ngày 29/8/2026 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026	Lũy kế 8 tháng			Thực hiện tháng 8
				Ước TH	% so với KH	% so cùng kỳ	
1	**Chỉ số phát triển công nghiệp IIP**	%	8,0			107,61	
2	**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ**	Tỷ đồng	48.338	30.379	62,8	118,08	3.854,7
3	**Thu ngân sách**	Tỷ đồng	13.478	19.599	145,4	185,1	1.969,4
	Thu nội địa	Tỷ đồng	3.874	3.800	98,1	142,2	435,4
	Thu xuất nhập khẩu	Tỷ đồng	9.600	15.779	164,4	99,7	1.534
	Các khoản huy động, đóng góp	Tỷ đồng		19,3			0
4	**Chi ngân sách**	Tỷ đồng	16.005,2	10.859,89	67,9	105,8	2.586,9
	Chi cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng	14.422,6	8.715,46	60,4	105,4	1.535,4
	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia và nhiệm vụ khác	Tỷ đồng	1.582,6	2144,433	135,5	107,2	1.051,4
5	**Tín dụng, ngân hàng**						
	Tổng vốn huy động tín dụng	Tỷ đồng		62.120		113,42	
	Tổng dư nợ tín dụng	Tỷ đồng		53.103		112,39	
6	**Xuất, nhập khẩu** *(mở tờ khai tại Lạng Sơn)*	Triệu USD	6.750	6.221	92,2	167,34	904
	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	2.361	960	40,7	86,7	190
	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	4.389	5.231	119,2	201,5	714
7	**Thu hút vốn FDI**	Triệu USD	20,0	46,96	134,8		-
8	**Hoạt động du lịch**						
	Tổng lượng khách du lịch	Nghìn người	4.700	4.452	94,7	125,1	160
	Tổng thu từ khách du lịch	Tỷ đồng	4.900	4.115	84,0	121,7	160
9	**Giải ngân vốn đầu tư công**	Tỷ đồng	5.896	2.994	50,8	113,4	1.095